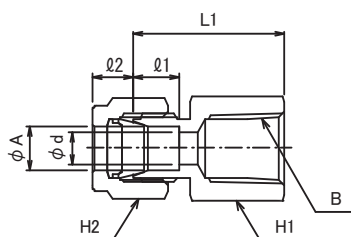


**ダブルフェルール式銅管継手【黄銅製】**
**■ 圧力計ユニオン (Rc)**


型 式	銅管外径 A (mm)	管用ねじ B (Rc)	本体長さ L1 (mm)	最小穴径 d (mm)	差込深さ		対 辺	
					Ø1 (mm)	Ø2 (mm)	H1 (mm)	H2 (mm)
GFEC-6M2R-BS	6	Rc1/8	28	5	8	7	14	14
GFEC-6M4R-BS	6	Rc1/4	29	5	8	7	17	14
GFEC-6M6R-BS	6	Rc3/8	31	5	8	7	22	14
GFEC-6M8R-BS	6	Rc1/2	33	5	8	7	26	14
GFEC-8M2R-BS	8	Rc1/8	28	6	9	8	14	16
GFEC-8M4R-BS	8	Rc1/4	29	6	9	8	17	16
GFEC-8M6R-BS	8	Rc3/8	31	6	9	8	22	16
GFEC-8M8R-BS	8	Rc1/2	33	6	9	8	26	16
GFEC-10M2R-BS	10	Rc1/8	29	8	10	9	17	19
GFEC-10M4R-BS	10	Rc1/4	30	8	10	9	17	19
GFEC-10M6R-BS	10	Rc3/8	32	8	10	9	22	19
GFEC-10M8R-BS	10	Rc1/2	34	8	10	9	26	19
GFEC-12M2R-BS	12	Rc1/8	29	8	12	10	22	23
GFEC-12M4R-BS	12	Rc1/4	30	10	12	10	22	23
GFEC-12M6R-BS	12	Rc3/8	32	10	12	10	22	23
GFEC-12M8R-BS	12	Rc1/2	34	10	12	10	26	23
GFEC-4T2R-BS	6.35	Rc1/8	28	5	8	7	14	14
GFEC-4T4R-BS	6.35	Rc1/4	29	5	8	7	17	14
GFEC-4T6R-BS	6.35	Rc3/8	31	5	8	7	22	14
GFEC-4T8R-BS	6.35	Rc1/2	33	5	8	7	26	14
GFEC-6T2R-BS	9.53	Rc1/8	29	7	9.5	8	17	17
GFEC-6T4R-BS	9.53	Rc1/4	30	7	9.5	8	17	17
GFEC-6T6R-BS	9.53	Rc3/8	32	7	9.5	8	22	17
GFEC-6T8R-BS	9.53	Rc1/2	34	7	9.5	8	26	17
GFEC-8T2R-BS	12.7	Rc1/8	29	8	12	10	22	23
GFEC-8T4R-BS	12.7	Rc1/4	30	10	12	10	22	23
GFEC-8T6R-BS	12.7	Rc3/8	32	10	12	10	22	23
GFEC-8T8R-BS	12.7	Rc1/2	34	10	12	10	26	23